TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC (VILAS 1618)
Địa chỉ/Address: 54A, Ngõ 603 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: 084 218 5555 | **Email**: cbestvietnam@gmail.com | **Web**: cbestlab.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 261238.001/2026/PKQ (NS.261027.002)

Tên khách hàng *Customer name*	CÔNG TY CPSXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Địa chỉ *Customer address*	SỐ 8C ĐƯỜNG ĐINH CÔNG TRÁNG, PHƯỜNG CỬA NAM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Loại mẫu *Sample type*	Nước sạch
Tên vị trí *Sampling location*	VỊ TRÍ TẠI VÒI NƯỚC SAU BƠM II TRẠM ĐỒN THUỶ
Mô tả mẫu *Sample description*	Bảo quản lạnh
Ngày nhận mẫu *Date of receiving*	27/10/2026
Thời gian thử nghiệm *Testing Period*	27/10/2026 - 16/11/2026

VILAS 1618

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Results*	Giới hạn tham khảo[a] *Reference limit*
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	*E.coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	< 7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,61	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	< 0,20	2
7	Arsenic (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0059	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8021:2022	mg/L	0,56	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	< 0,80	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	< 0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Results*	Giới hạn tham khảo[a] *Reference limit*
11	Trực khuẩn mủ xanh (*Pseudomonas aeruginosa*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
12	Tụ cầu vàng (*Staphylococcus aureus*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1

Ghi chú/*Remarks:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện*
- *(a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến.*

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC
Dept. of Analysis and Monitoring

NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC
Director

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
Q. TÂY HỒ - T.P HÀ NỘI

HỒNG QUANG THỐNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC (VILAS 1618)
Địa chỉ/Address: 54A, Ngõ 603 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: 084 218 5555 | **Email**: cbestvietnam@gmail.com | **Web:** cbestlab.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 261238.003/2026/PKQ (NS.261027.004)

Tên khách hàng
Customer name: CÔNG TY CPSXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Địa chỉ
Customer address: SỐ 8C ĐƯỜNG ĐINH CÔNG TRÁNG, PHƯỜNG CỬA NAM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Loại mẫu
Sample type: Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location: VỊ TRÍ TẠI VÒI NƯỚC SỐ 1C ĐẶNG THÁI THÂN

Mô tả mẫu
Sample description: Bảo quản lạnh

Ngày nhận mẫu
Date of receiving: 27/10/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period: 27/10/2026 - 16/11/2026

VILAS 1618

TT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Đơn vị** *Unit*	**Kết quả** *Results*	**Giới hạn tham khảo**[a] *Reference limit*
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	*E.coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	< 7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,25	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	< 0,20	2
7	Arsenic (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0061	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8021:2022	mg/L	0,21	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	< 0,80	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	< 0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Results*	Giới hạn tham khảo[a] *Reference limit*
11	Trực khuẩn mủ xanh (*Pseudomonas aeruginosa*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
12	Tụ cầu vàng (*Staphylococcus aureus*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1

Ghi chú/*Remarks:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện*
- *(a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến.*

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC *Dept. of Analysis and Monitoring*	**GIÁM ĐỐC** *Director*
NGUYỄN PHAN HỒNG ANH	**HỒNG QUANG THỐNG**

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC (VILAS 1618)
Địa chỉ/Address: 54A, Ngõ 603 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: 084 218 5555 | **Email**: cbestvietnam@gmail.com | **Web:** cbestlab.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 261238.004/2026/PKQ (NS.261027.005)

Tên khách hàng *Customer name*	CÔNG TY CPSXKD NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Địa chỉ *Customer address*	SỐ 8C ĐƯỜNG ĐINH CÔNG TRÁNG, PHƯỜNG CỬA NAM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Loại mẫu *Sample type*	Nước sạch
Tên vị trí *Sampling location*	VỊ TRÍ TẠI VÒI NƯỚC SỐ 20 PHAN HUY CHÚ
Mô tả mẫu *Sample description*	Bảo quản lạnh
Ngày nhận mẫu *Date of receiving*	27/10/2026
Thời gian thử nghiệm *Testing Period*	27/10/2026 - 16/11/2026

VILAS 1618

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Results*	Giới hạn tham khảo[a] *Reference limit*
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	*E.coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	< 7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,34	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	0,28	2
7	Arsenic (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0062	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8021:2022	mg/L	0,25	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	< 0,80	2
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	< 0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

TT *No.*	**Chỉ tiêu** *Parameter*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Đơn vị** *Unit*	**Kết quả** *Results*	**Giới hạn tham khảo**[a] *Reference limit*
11	Trực khuẩn mủ xanh (*Pseudomonas aeruginosa*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
12	Tụ cầu vàng (*Staphylococcus aureus*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1

Ghi chú/*Remarks:*

- *KPH: Không phát hiện*
- *LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện*
- *(a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến.*

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC	**GIÁM ĐỐC**
Dept. of Analysis and Monitoring	*Director*
NGUYỄN PHAN HỒNG ANH	**HỒNG QUANG THỐNG**

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Y SINH VÀ MÔI TRƯỜNG
Q. TÂY HỒ - T.P HÀ NỘI

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.